**Tiết PPCT: 89,90**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Giáo viên tổ chức trò chơi “Đố vui”  Câu 1: Làm thế nào để con cua được **chín** chân?  (luộc)  Câu 2: **Bàn** gì **xe ngựa** sớm chiều giơ ra?  (Bàn cờ)  Câu 3: **Quần** rộng nhất là quần gì?  Quần đảo  Câu 4: **Nước** gì ăn được mà không uống được?  Nước cờ  Câu 5: **Cầu** gì biết chạy?  Cầu thủ  Câu 6: **Con** gì đập thì sống, không đập thì chết?  Con tim  Câu 7: Bệnh gì bác sĩ **bó tay**?  Gãy tay  Câu 8:  Một trăm thứ **dầu**, dầu chi là dầu không thắp?  (dãi dầu)  Một trăm thứ **bắp**, bắp chị là bắp không rang?  (lắp bắp)  Một trăm thứ **than**, than chi là than không quạt?  (than thân)  Một trăm thứ **bạc**, bạc chi là chẳng ai mua?  (bạc tình)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện nhiệm vụ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Những câu đố vui trên khá bất ngờ và thú vị phải không các con? Vậy các tác giả dân gian đã dựa vào hiện tượng nào để để tạo ra sự bất ngờ, thú vị đó? | Gợi ý:  + Luộc  + Bàn cờ  + Quần đảo  + Nước cờ  + Cầu thủ  + Con tim  + Gãy tay  + Dãi dầu  + Lắp bắp  + Than thân  + Bạc tình |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Tìm hiểu từ đa nghĩa**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ: Quan sát từ đi trong hai ví dụ và cho biết từ nào là nghĩa gốc, từ nào là nghĩa chuyển?  + VD1: Hai cha con bước ***đi*** trên cát.  + VD2: Xe ***đi*** chậm rì.  + Gv nêu tiếp yêu cầu: từ đó em hãy rút ra đặc điểm về từ đa nghĩa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm hiểu từ đồng âm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát hai ví dụ:  VD1: Lời của *con* hay ***tiếng*** sóng thầm thì.  VD2: Một **tiếng**, nữa con sẽ về đến nhà.  - Gv nêu tiếp yêu cầu:  + Từ đó em hãy rút ra đặc điểm về từ đồng âm.  + Từ đồng âm đôi khi được sử dụng để tạo ra những cách nói độc đáo. Em hãy thử tìm một số cách nói có sử dụng dụng từ đồng âm như vậy (ví dụ: Con ngựa đá con ngựa)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | 1. **Từ đa nghĩa**   ***1. Xét ví dụ***  - “Đi” trog VD1 là nghĩa gốc chỉ hành động của người hay động vật tự di chuyển bằng những động tác lên tiếp của chân.  - “Đi” trong VD2 là nghĩa chuyển chỉ hoạt động di chuyển của phương tiện vận tải trên một bề mặt.  ***🡪 Từ đa nghĩa***  ***2. Nhận xét***  - Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển.  + Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện trước, làm cơ sờ để hình thành các nghĩa khác.  + Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.  **II. Từ đồng âm**  ***1. Xét ví dụ***  - “Tiếng” trong VD1 là từ chỉ âm thanh phát ra từ một sự vật, đối tượng.  - “Tiếng” trong VD2 là từ chỉ thời gian một giờ đồng hồ.  ***🡪 Từ đồng âm***  ***2. Nhận xét***  - Từ đồng âm là từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau.  - Từ đồng âm đôi khi được sử dụng để tạo ra cách nói độc đáo |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1, 2  theo nhóm.  + Nhóm 1,3: bài tập 1  + Nhóm 2,4: bài tập 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2: Bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3. Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”, các tổ tìm trong thời gian 5 phút và tổ nào tìm được nhiều từ nhất sẽ thắng cuộc*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Bài tập 4,5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *yêu cầu HS đọc bài tập 4,5*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Bài tập 6**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *yêu cầu HS đọc bài tập 6*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  a. Từ “trong” thứ nhất chỉ sự trong sạch, nhìn rõ xuống được lớp nước sâu. Từ “trong” thứ hai chỉ một tập hợp, tập thể.  b. Nghĩa của hai từ “trong” không liên quan đến nhau.  c. Đây là hai từ đồng âm.  **Bài 2**  a. Cánh trong cánh buồm nghĩa là: bộ phận của con thuyền giúp nó có thể di chuyển được trên mặt nước nhờ sức gió.  - Cánh trong cánh chim là: bộ phận để bay của chim, dơi, côn trùng, có hình tấm, rộng bản, thành đôi đối xứng nhau ở hai bên thân mình và có thể mở ra khép vào  - Cánh trong cánh cửa là:  bộ phận hình tấm có thể khép vào mở ra được, ở một số vật  - Cánh trong cánh tay là: bộ phận của cơ thể người, từ vai đến cổ tay ở hai bên thân mình  b. Từ "cánh" trong các ví dụ trên là từ đa nghĩa vì nó đều là một bộ phận có sự đối xứng hai bên và có thể di chuyển được  **Bài 3**  - Chân:  + Nghĩa gốc: chỉ bộ phận của cơ thể người hay loài vật, thường ở dưới cùng, có chức năng nâng đỡ cơ thể và đi lại, chuyển dịch từ nơi này đến nơi khác  + Nghĩa chuyển: chân bàn, chân tường, chân trời, chân mây, chân tu, chân rết, chân mày…  - Mắt  + Nghĩa gốc là cơ quan để nhìn của người hay động vật, giúp phân biệt được màu sắc, hình dáng; thường được coi là biểu tượng của cái nhìn của con người  +Nghĩa chuyển: mắt na, mắt xích, mắt camera, mắt lưới, mắt bão, mắt mía…  (chỗ lồi lõm giống như hình con mắt, mang chồi, ở một số loài cây :mắt tre, mắt mía;  bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả: mắt dứa, na mở mắt; phần trung tâm của một cơn bão (mắt bão)  **- Đầu:**  **+ Nghĩa gốc:** phần trên nhất của thân thể người hay phần trước nhất của thân loài vật, ở đó có hệ thần kinh trung ương, phần lớn các giác quan, nối vào thân bằng cổ.  Ví dụ: Đầu bạc răng long, đau đầu, nhức đầu, Đầu voi đuôi chuột,...  **+ Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp:**  . Phần trên nhất, trước nhất của một vật. Ví dụ, đầu trang sách, đầu sông, đầu đường  . Phần trên nhất, trước nhất của mọi sự việc. Ví dụ: đầu mối,…  . Phần trên nhất trước nhất của một khoảng thời gian. Ví dụ: đầu năm, đầu tháng, đầu tuần…  . Phần trên nhất, trước nhất, ngoài cùng của một vật. Ví dụ: hai đầu bút chì, đầu xanh đầu đỏ, đầu nhà.  . Phần tốt nhất. Ví dụ đứng đầu lớp về môn toán.  . Phán trên hết, xuất sắc. Ví dụ: đỗ đầu, vận dụng viên về đầu trong cuộc chạy việt dã.  **- Mũi:**  **+ Nghĩa gốc:** Phần nhô cao theo trục dọc của mặt, giữa trán và môi trên, trong đó có phần phía trước của hai lỗ vừa để thở vừa là bộ phận của cơ quan khứu giác.  Ví dụ: mũi lõ, mũi tẹt, sổ mũi, khịt mũi.  **+ Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp:**  . Phần nhọn hoặc nhọn và sắc ở đầu một vật. Ví dụ: mũi kim, mũi kéo, mũi dao…  . Phần đất nhọn nhô ra biển, sông. Ví dụ, mũi Ca Mau, mũi đất.  . Hướng triển khai lực lượng, phần lực lượng quân đội tiến lên trước. Ví dụ: cánh quân chia thành ba mũi, mũi quân thọc sâu vào lòng địch)…  **Bài 4**.  a. Câu đố này đố về con bò  b. Điểm thú vị trong câu trên là đã sử dụng từ đa nghĩa "chín" ý chỉ chín ở đây là đã được nấu chín  **Bài 5:** Ví dụ về hiện tượng đồng âm  - Con ngựa đá con ngựa bằng đá, con ngựa đá không đá con ngựa.  - Hổ mang bò trên núi  - Bác bác trứng, tôi tôi vôi  - Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.  **Bài 6**  - BPTT điệp ngữ:  ……thấy nước thấy trời  Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó  ….  Sẽ có cây, có cửa, có nhà  - Tác dụng: làm tăng giá trị biểu cảm cho câu thơ, cho thấy sự mênh mông của trời nước, của đất nước quê hương. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  *Trong bài thơ Những cãnh buồm, câu thơ “Cha mượn cho con buồm trắng nhé/ Để con đi…” thể hiện ước mơ của người con. Em hãy tưởng tượng mình là người con trong bài thơ này, viết một đoạn văn khoảng (200 chữ) trong đó có sử dụng từ đa nghĩa để chia sẻ với mọi người về những “bến bờ” mà “cánh buồm trắng” của em sẽ đến*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, viết  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs báo báo kết quả  - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | *Tuổi thơ ai cũng có ước mơ, hoài bão; chúng giúp nuôi lớn tâm hồn trẻ thơ. Nó là những điều tốt đẹp mà chúng ta mong muốn đạt được trong thực tại. Tôi cũng giống như bao đứa trẻ khác, tôi cũng có cho mình ước mơ tuổi thơ. Ước mơ của tuổi thơ giúp tôi cố gắng phấn đấu học tập thật tốt để có thể thực hiện được ước mơ đó của mình. Với tôi, được đi đến, được khám phá vùng đất bên ngoài biển xa kia. Đó là vùng đất mà cha thường nhắc tới nhưng chưa hề đi tới.*  *Cha mượn cho con buồm trắng nhé*  *Để con đi…*  *"Cánh buồm trắng" chính là phương tiện giúp tôi có thể đến được những chân trời mới, để tôi được khám phá thế giới, để tôi thực hiện ước mơ hoài bão mà cha tôi chưa thực hiện được. Tôi hi vọng rằng tôi sẽ làm được điều đó thay cha, và làm điều đó vì bản thân mình. Mong rằng mai này đây tôi có thể vươn đến những tầm cao, chinh phục những điều đẹp đẽ của cuộc đời để thỏa mãn ước mơ và đem lại hạnh phúc cho cha, để người có thể mỉm cười tự hào về tôi.* |